

# UNIT 1 – PLUS 9

## Part 1: Viết từ vựng tiếng Anh

chuyện vật, giai thoại: \_\_\_\_\_

thuộc về: \_\_\_\_\_

người sống ở thành phố: \_\_\_\_\_

tình cờ thấy: \_\_\_\_\_

thông thường, phổ biến: \_\_\_\_\_

cạnh tranh, đua tranh: \_\_\_\_\_

hầm mộ: \_\_\_\_\_

bị thiệt hại, bị hư hao: \_\_\_\_\_

có hiệu quả: \_\_\_\_\_

dễ vỡ, dễ hàng: \_\_\_\_\_

di chuyển từ nơi này đến nơi khác: \_\_\_\_\_

lấy lại: \_\_\_\_\_

đầu tư vào: \_\_\_\_\_

dẫn đến: \_\_\_\_\_

nhìn lại: \_\_\_\_\_

trông mong, mong chờ: \_\_\_\_\_

hiếm có ít có: \_\_\_\_\_

nhận ra: \_\_\_\_\_

phụ thuộc vào: \_\_\_\_\_

do có nguyên nhân từ: \_\_\_\_\_

hợp thời gian: \_\_\_\_\_

chắc, bền, dai: \_\_\_\_\_

sự chuyên chở, sự vận chuyển: \_\_\_\_\_

quý giá, có giá trị lớn: \_\_\_\_\_

xe cộ: \_\_\_\_\_

**Part 2: Viết từ vựng sang tiếng việt**

anecdote (n) \_\_\_\_\_

belong to (phr v) \_\_\_\_\_

city dweller (n) \_\_\_\_\_

come across (phr v) \_\_\_\_\_

common (adj) \_\_\_\_\_

competitive (adj) \_\_\_\_\_

crypt (n) \_\_\_\_\_

damaged (adj) \_\_\_\_\_

efficient (adj) \_\_\_\_\_

fragile (adj) \_\_\_\_\_

get around (phrv) \_\_\_\_\_

get back (phr v) \_\_\_\_\_

invest in (phrv) \_\_\_\_\_

lead to (phrv) \_\_\_\_\_

look back on (phrv) \_\_\_\_\_

look forward to (phr v) \_\_\_\_\_

rare (adj) \_\_\_\_\_

recognise (v) \_\_\_\_\_

rely on (phrv) \_\_\_\_\_

result from (phrv) \_\_\_\_\_

time capsule (n) \_\_\_\_\_

tough (adj) \_\_\_\_\_

transport (n) \_\_\_\_\_

valuable (adj) \_\_\_\_\_

vehicle (n) \_\_\_\_\_